

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K8, TẠI HUYỆN EA SÚP, KHÓA HỌC 2023-2025
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC**

**Thi phần A.III: Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa
và phần A.IV: Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Ngày thi: 17/8/2024; Thời gian làm bài: 180 phút;

Địa điểm thi: Trung tâm Chính trị huyện Ea Súp

SBD	Họ Và Tên	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Trần Văn	An	14/02/1986	03		73	7.75	Đầy, đầy, năm
02	Nguyễn Thị Thế	Anh	24/10/1990	03		66	7.75	Đầy, đầy, năm
03	Y Thanh	Ayun	13/01/1984	02		37	7.10	Đầy
04	Hà Huy	Bình	20/10/1988	03		72	7.75	Đầy, năm
05	Đặng Minh	Châu	02/9/1981	03		59	7.75	Đầy, năm
06	Bùi Đình	Chiến	20/8/1987	13		10	8.0	Tam
07	Nguyễn Xuân	Chung	19/01/1986	2		9	7.10	Đầy
08	Trần Quang	Chung	19/6/1983	02		8	7.10	Đầy
09	Lê Văn	Công	08/12/1981	03		23	7.75	Đầy, năm
10	Trần Dương	Công	08/5/1988	02		39	7.75	Đầy, năm
11	Lê Công	Dân	15/7/1985	02		47	7.10	Đầy
12	Đàm Văn	Danh	10/7/1987	02		40	7.10	Đầy
13	Nguyễn Thị	Đào	01/11/1983	03		58	7.75	Đầy, đầy, năm
14	Nguyễn Hữu	Độ	08/02/1982	03		29	7.75	Đầy, năm
15	Đặng Thị Thùy Linh	Dung	19/12/1982	03		64	8.5	Tam, năm
16	Lê Thị	Dung	06/5/1986	02		7	7.75	Đầy, hai năm
17	Đinh Xuân	Hải	27/8/1987	03		70	7.75	Đầy, năm
18	Dương Đình	Hải	19/9/1986	03		65	7.75	Đầy, hai năm



SBD	Họ Và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
19	Hà Thị Thu Hằng	22/11/1988	03		63	75	Đầy, năm
20	Nguyễn Thị Nhung Hằng	31/8/1986	03		32	80	Tam
21	Trần Văn Hạnh	17/8/1987	03		68	725	Đầy, hai năm
22	Lê Văn Hào	25/02/1986	03		17	80	Tam
23	Nguyễn Thị Hào	10/10/1978	02		43	75	Đầy, năm
24	Hoàng Thị Hiệp	19/02/1985	03		11	75	Đầy, năm
25	Trịnh Thị Hoi	26/4/1984	03		27	75	Đầy, năm
26	Nguyễn Đình Hùng	08/11/1974	03		33	85	Tam, năm
27	Nguyễn Thị Thanh Hương	24/10/1987	03		57	75	Đầy, năm
28	Hà Thị Hồng Hường	09/9/1989	03		24	75	Đầy, năm
29	Nguyễn Trí Huyền	26/10/1989	02		52	825	Tam, hai năm
30	Phạm Thị Huyền	23/6/1990	03		20	775	Đầy, đầy năm
31	H' Uyên Niê Kdăm	16/02/1972	03		36	70	Đầy
32	Nguyễn Thị Khoa	11/4/1985	03		21	80	Tam
33	Dương Văn Khôi	11/3/1981	02		53	75	Đầy, năm
34	Dương Thị Lâm	12/5/1984	02		41	75	Đầy, năm
35	Lê Phong Lan	02/6/1984	03		26	775	Đầy, đầy năm
36	Hồ Thị Linh	10/4/1987	03		25	75	Đầy, năm
37	Nguyễn Văn Linh	16/11/1987	03		62	80	Tam
38	Phạm Thị Thùy Linh	05/01/1987	02		5	70	Đầy
39	Phạm Bích Loan	06/9/1988	03		71	825	Tam, hai năm
40	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	10/11/1991	03		60	775	Đầy, đầy năm
41	Ma Thị Năm	14/3/1981	03		31	75	Đầy, năm
42	Biện Thị Nga	20/12/1987	02		12	725	Đầy, hai năm

SẢN PHẨM
TƯỜNG
NH TRÍ
Y ĐÀK L

SBD	Họ Và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
43	Nguyễn Thị Nga	16/10/1985	03	<i>[Signature]</i>	56	8.25	Tạm, học năm
44	Lê Thị Ngân	20/3/1981	03	<i>[Signature]</i>	28	7.5	Đầy, 1 năm
45	Doãn Thị Nhân	04/02/1980	-	-	-	-	Vắng có lý do
46	Lang Thị Nhân	06/01/1990	03	<i>[Signature]</i>	19	8.0	Tạm
47	Đinh Thị Như	01/4/1988	03	<i>[Signature]</i>	30	8.0	Tạm
48	Cao Thị Tuyết Nhung	16/12/1990	03	<i>[Signature]</i>	18	8.25	Tạm, học năm
49	Nguyễn Thị Hồng Nhung	15/9/1990	03	<i>[Signature]</i>	22	8.25	Tạm, học năm
50	Trần Hoài Phong	20/5/1980	02	<i>[Signature]</i>	6	7.0	Đầy
51	Mai Bảo Phương	11/9/1983	10	<i>[Signature]</i>	61	8.5	Tạm, năm
52	Nguyễn Thị Phương	01/11/1989	03	<i>[Signature]</i>	34	7.75	Đầy, học năm
53	Hoàng Anh Quân	28/9/1987	04	<i>[Signature]</i>	13	8.5	Tạm, 1 năm
54	Hoàng Tiến Quân	27/01/1987	02	<i>[Signature]</i>	49	7.5	Đầy, năm
55	Hồ Quang	19/9/1989	02	<i>[Signature]</i>	55	7.25	Đầy, học năm
56	Hoàng Thế Quang	10/06/1988	03	<i>[Signature]</i>	67	7.75	Đầy, học năm
57	Nguyễn Thị Quyên	23/5/1989	02	<i>[Signature]</i>	46	7.75	Đầy, học năm
58	Đinh Thanh Sơn	27/7/1988	02	<i>[Signature]</i>	44	7.25	Đầy, học năm
59	Hoàng Đình Sơn	06/10/1970	02	<i>[Signature]</i>	45	7.0	Đầy
60	Ma Thế Thạch	30/4/1989	02	<i>[Signature]</i>	42	7.25	Đầy, học năm
61	Nguyễn Trọng Thăng	01/01/1984	02	<i>[Signature]</i>	50	7.0	Đầy
62	Lê Minh Thiện	13/5/1985	03	<i>[Signature]</i>	35	7.5	Đầy, năm
63	Đinh Thị Thiệp	10/6/1990	02	<i>[Signature]</i>	38	7.0	Đầy
64	Lê Văn Thịnh	02/10/1987	02	<i>[Signature]</i>	48	7.5	Đầy, năm
65	Trần Văn Thỏa	15/7/1980	02	<i>[Signature]</i>	3	7.25	Đầy, học năm
66	Phạm Thị Thơm	30/9/1982	03	<i>[Signature]</i>	14	7.25	Đầy, học năm

SBD	Họ Và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
67	Đinh Thị Thu	17/10/1990	02	<i>Đinh</i>	2	785	<i>hỏi, hỏi, năm</i>
68	Mai Thị Thuần	03/5/1980	03	<i>Thuần</i>	69	775	<i>hỏi, hỏi, năm</i>
69	Lê Thị Thùy	09/10/1990	03	<i>Lê Thùy</i>	16	80	<i>hỏi</i>
70	Cao Thị Kim	06/01/1987	03	<i>Kim</i>	74	775	<i>hỏi, hỏi, năm</i>
71	Trần Đình Trình	01/11/1988	02	<i>Trình</i>	51	785	<i>hỏi, hỏi, năm</i>
72	Trần Thanh Tùng	10/10/1982	02	<i>Tùng</i>	4	710	<i>hỏi</i>
73	Lê Thị Bạch	22/10/1981	Quyết định kỷ luật số 512-QĐ/TCT, ngày 15/8/2024				
74	Phan Hồng Vương	01/4/1987	02	<i>Phan</i>	1	710	<i>hỏi</i>
75	Trần Văn Vương	20/3/1984	03	<i>Trần</i>	15	75	<i>hỏi, năm</i>
76	Bùi Thọ Ý	11/10/1987	02	<i>Bùi</i>	54	75	<i>hỏi, năm</i>

Tổng số học viên theo danh sách: 76.....học viên;

Số học viên đủ điều kiện thi: 75.....học viên

Số học viên không đủ điều kiện thi: 01.....học viên (lý do: 1 kỳ học.....)

Số học viên vắng thi: 01 học viên; trong đó: có lý do: 01 học viên; không có lý do: 0 học viên;

Số bài thi hiện có: 74.....bài/ 194.....tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

Nguyễn Văn Dũng

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Văn Dũng

TRƯỞNG KHOA

Đoàn Thị Mai

CÁN BỘ COI THI 02

Đoàn Thị Mai

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH



Nguyễn Thành Dũng

TS. Lê Duyên Hà

TS. Lê Duyên Hà